

THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 - BÀI HỌC VỀ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH Ở VIỆT NAM

Trần Thị Hồng Minh

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: hongminhdhhu@gmail.com

Ngày nhận bài: 4/8/2025; ngày hoàn thành phản biện: 11/8/2025; ngày duyệt đăng: 15/8/2025

TÓM TẮT

Cách đây 80 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”, lật đổ chế độ phong kiến, thực dân, giành chính quyền về tay nhân dân. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những chiến thắng vẻ vang của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX, đánh dấu bước ngoặt lịch sử đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới- kỷ nguyên độc lập, tự do. Thắng lợi đó do nhiều nguyên nhân nhưng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố hàng đầu đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Bài viết tập trung bàn về chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quyết định thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 và bài học về phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc với kỷ nguyên vườn mình ở Việt Nam.

Từ khóa: Cách mạng tháng Tám năm 1945, đại đoàn kết toàn dân tộc, kỷ nguyên vườn mình ở Việt Nam.

1. MỞ ĐẦU

Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử của những cuộc đấu tranh anh dũng, bất khuất, kiên cường vì độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Trong dòng chảy ấy, Cách mạng tháng Tám năm 1945 là mốc son chói lọi, mở ra một bước ngoặt vĩ đại cho dân tộc Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhân dân Việt Nam đã giành được quyền làm chủ đất nước, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đầu tiên ở Đông Nam Á. Một trong những yếu tố quyết định thắng lợi nhanh chóng và gần như không đổ máu của Cách mạng tháng Tám chính là việc Đảng ta đã xây dựng và phát huy thành công sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

80 năm trôi qua kể từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, dân tộc Việt Nam đã đạt được những thành tựu “rất vĩ đại, rất đáng trân trọng, tự hào”. Tuy nhiên, trước ngưỡng cửa của kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh, phồn vinh, thịnh vượng, đất nước ta vẫn đang đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, “đe dọa trực tiếp đến quá trình thực hiện các mục tiêu chiến lược 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, 100 năm thành lập nước, đến giữa thế kỷ XXI, nước ta thành nước phát triển có thu nhập cao”. Để vượt qua thử thách, hiện thực hóa mục tiêu đề ra, đòi hỏi chúng ta phải tháo gỡ, loại bỏ những “điểm nghẽn”, “rào cản”, “nút thắt” cả về thể chế, về nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng, trọng tâm là “thực hiện cách mạng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị” theo hướng: “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả” đồng thời tiến hành các đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Những yêu cầu to lớn của kỷ nguyên vươn mình đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải vững vàng, kiên định đường lối, mục tiêu đổi mới, quyết tâm chính trị cao, tinh thần khẩn trương, nỗ lực phi thường, cố gắng vượt bậc, trong đó, cần vận dụng bài học về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 để khơi dậy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, phát huy động lực và thúc đẩy mọi nguồn lực phát triển đất nước trong tình hình mới.

2. NỘI DUNG

2.1. Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trong tiến trình chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám, Đảng ta đã nhận thức sâu sắc rằng không một lực lượng riêng lẻ nào, dù mạnh đến đâu, có thể làm nên thắng lợi cách mạng nếu không gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân, nếu không xây dựng được khối đoàn kết toàn dân tộc rộng lớn và bền chặt. Ngay từ khi thành lập, Đảng đã chủ trương xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc làm nền tảng và trong từng chặng đường đấu tranh cụ thể, tư tưởng đó luôn được vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên (tháng 2/1930), Đảng ta đã xác định rõ con đường cách mạng Việt Nam là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [4; tr.1]. Để thực hiện mục tiêu đó, Đảng chủ trương tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, làm cho giai cấp công nhân lãnh đạo được quần chúng, thu phục đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, xây dựng liên minh công nông vững chắc; đồng thời “phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông,... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng,... thì phải đánh đổ” [3; tr.3]. Như vậy, trong văn kiện quan trọng này, Đảng ta đã chủ động mở rộng mặt trận cách mạng với mẫu số chung

là người Việt Nam yêu nước, lấy liên minh công – nông làm nòng cốt.

Trong giai đoạn Mặt trận Dân tộc Dân chủ Đông Dương (1936 - 1939), tư tưởng đại đoàn kết được tiếp tục mở rộng. Đảng chủ trương chuyển trọng tâm từ đấu tranh giai cấp sang đấu tranh dân tộc, với khẩu hiệu “Chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cơm áo hòa bình”, qua đó kết nối phong trào công nhân với tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ yêu nước, hình thành liên minh rộng lớn trên nền tảng lợi ích dân tộc, góp phần nâng cao vị thế và ảnh hưởng của Đảng trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Bước ngoặt quan trọng về chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc được khẳng định tại Hội nghị Trung ương lần thứ Tám (5/1941) do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì, Đảng ta xác định: “Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi lại được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được” [1; tr.113]. Đây là sự chuyển hướng chiến lược mang tính quyết định - đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết và là nhiệm vụ quan trọng nhất của cách mạng Việt Nam, đồng thời phải mở rộng mặt trận đoàn kết đến toàn dân tộc. Đảng đã chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh), tạo nên một hình thức liên minh chính trị - xã hội rộng rãi, quy tụ mọi tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, nhằm đấu tranh chống Nhật – Pháp, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Nhận thức rõ vai trò, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, trong *Kính cáo đồng bào* (tháng 6/1941), Hồ Chí Minh nhấn mạnh chỉ cần một điều là *Toàn dân đoàn kết*. Người tha thiết kêu gọi: “Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm” [4; tr.230]. Kết thúc bài thơ Mười chính sách của Việt Minh, Người viết tiếp: “Khuyến ai xin nhớ chữ đồng/Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh” [4; tr.243]. Đó là lời hiệu triệu có sức lay động sâu sắc đến mọi tầng lớp nhân dân. Dưới ngọn cờ Việt Minh, các tổ chức cứu quốc được thành lập khắp nơi như Hội phụ nữ cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Công nhân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc,... đã tạo nên một mạng lưới đấu tranh rộng khắp, bám rễ sâu trong quần chúng nhân dân. Không chỉ giới hạn trong thành phần công - nông - trí thức, Việt Minh còn thu hút được sự ủng hộ của các tầng lớp tiểu thương, tư sản dân tộc, chức sắc tôn giáo và cả địa chủ yêu nước tham gia kháng chiến, thể hiện khả năng mở rộng khối đoàn kết toàn dân tộc đến mức cao nhất của Đảng ta.

Đỉnh cao sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy trong thời khắc quyết định Cách mạng tháng Tám năm 1945. Khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, bộ máy tay sai hoang mang, tê liệt, thời cơ “ngàn năm có một” đã đến với cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước:

“Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà giải phóng cho ta,... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh đồng bào hãy dũng cảm đứng lên!” [5; tr.4]. Đảng phát động Tổng khởi nghĩa toàn quốc, hiệu triệu toàn dân nổi dậy. Nhân dân cả nước từ nông thôn đến thành thị, tất cả các giai tầng, không phân biệt giàu nghèo, tuổi tác, giới tính, dân tộc đều đồng loạt hưởng ứng. Chỉ trong vòng 15 ngày (từ ngày 14 đến ngày 28/8/1945), chính quyền thực dân - phong kiến bị lật đổ, chính quyền cách mạng được thiết lập trên phạm vi cả nước, gần như không đổ máu. Điều này thể hiện tính đúng đắn chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng ta trên hai phương diện:

Thứ nhất, lực lượng làm nên thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 là toàn dân tộc Việt Nam. Đó là một cuộc khởi nghĩa toàn dân, với lực lượng cách mạng gồm 2 bộ phận: Lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang của nhân dân. Thành phần tham gia cách mạng gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp nhân dân yêu nước, không phân biệt già trẻ, gái trai, giàu nghèo, quý tiện, dân tộc, tôn giáo, đảng phái. Trong Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đầu tiên ở Đông Nam Á, Hồ Chí Minh đã một lần nữa khẳng định lực lượng Cách mạng tháng Tám là toàn dân tộc “Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” [5; tr.2] và “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa” [5; tr.3].

Thứ hai, chủ trương và chỉ đạo của Đảng ta đã huy động, phát huy tối đa sức mạnh của toàn dân tộc, thực hiện phương pháp khởi nghĩa từng phần, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước. Đây là điểm then chốt, là quy luật khách quan của mọi cuộc cách mạng kiểu mới do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Trong Cách mạng tháng Tám, yếu tố quần chúng không chỉ là nền tảng mà còn là động lực trực tiếp của khởi nghĩa từng phần. Ở đâu có phong trào mạnh, có tổ chức Việt Minh vững chắc, có sự gắn kết với các đoàn thể nhân dân thì ở đó giành chính quyền cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh một cách chủ động, nhanh chóng và hiệu quả. Những thắng lợi ấy được kết nối bằng ý chí toàn dân và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương Đảng đã tạo nên một làn sóng cách mạng dữ dội trên toàn đất nước Việt Nam. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Lúc này dù có hy sinh đến đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập” [5; tr.394]. Tinh thần đó, cùng với sự tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc chính là cơ sở để Hồ Chí Minh và Đảng ta lựa chọn phương pháp khởi nghĩa toàn phần tiến lên Tổng khởi nghĩa. Đây là một bước chiến lược đúng đắn, có tính chủ động, sáng tạo, nhưng để bước đi ấy trở thành hiện thực lịch sử thì không thể thiếu việc huy động sức mạnh toàn dân tộc - yếu tố sống còn làm nên thắng lợi trọn vẹn của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Như vậy, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 không thể chỉ lý giải bằng sự suy yếu của kẻ thù hay sự thuận lợi của thời cơ lịch sử, mà cốt lõi là nhờ sự

chuẩn bị kỹ lưỡng, sự huy động toàn diện lực lượng nhân dân dưới ngọn cờ đại đoàn kết của Đảng. Đảng ta khẳng định: “Cách mạng tháng Tám thắng lợi là nhờ cuộc đấu tranh yêu nước anh hùng của hơn 20 triệu người Việt Nam. Nhưng cuộc nổi dậy của toàn dân chỉ có thể thực hiện được khi có đạo quân chủ lực là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đạo quân chủ lực này được xây dựng, củng cố qua ba cao trào cách mạng và lớn mạnh vượt bậc trong tổng khởi nghĩa. Dựa trên đạo quân chủ lực làm nền tảng, Đảng xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc, động viên toàn dân tổng khởi nghĩa thắng lợi” [6; tr.113]. Đây chính là minh chứng thuyết phục cho giá trị thực tiễn và sức mạnh to lớn của tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh và chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam- nhân tố quyết định làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2.2. Bài học về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong Cách mạng tháng Tám đối với kỷ nguyên vươn mình ở Việt Nam hiện nay

Bài học về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 được Đảng ta quán triệt chỉ đạo thực hiện trong những giai đoạn tiếp theo, làm nên thắng lợi to lớn trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1954) và đế quốc Mỹ (1975). Ngày nay, khi đất nước đang bước vào kỷ nguyên vươn mình- hội nhập và phát triển thì bài học ấy càng trở nên thời sự, có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn to lớn.

Thứ nhất, đặc điểm bối cảnh của kỷ nguyên vươn mình và yêu cầu phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong kỷ nguyên vươn mình, Việt Nam đang đứng trước một bối cảnh vừa rộng mở cơ hội nhưng cũng đầy rẫy những thách thức chưa từng có. Trên bình diện toàn cầu, cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4 đang làm biến đổi sâu sắc mọi mặt đời sống xã hội - từ mô hình sản xuất đến cấu trúc quyền lực. Chủ nghĩa bảo hộ, cạnh tranh địa - chính trị, xung đột lợi ích giữa các quốc gia siêu cường cùng với các nguy cơ an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, dịch bệnh toàn cầu, khủng bố buôn lậu xuyên quốc gia, khủng hoảng năng lượng,... đã và đang hình thành một “trật tự thế giới mới”, nơi mà cơ hội và rủi ro đan xen không thể tách rời.

Ở trong nước, sau gần 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, có tính lịch sử. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” [2; tr.104]. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, trình độ thấp, Việt Nam đã trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình, hội nhập sâu rộng. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; lợi ích quốc gia, dân tộc được đảm bảo. Quy mô nền kinh tế tính đến năm 2023 tăng gấp 96 lần so với năm 1986. Đời sống của người dân được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh; hoàn thành về đích sớm các mục tiêu thiên niên kỷ. Tiềm lực chính trị, kinh tế, văn

hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, an ninh không ngừng nâng cao,... Tuy nhiên, cùng với đó là không ít thách thức như nguy cơ về tụt hậu công nghệ, chênh lệch phát triển giữa vùng miền, những biểu hiện của suy thoái đạo đức của một số không nhỏ cán bộ, đảng viên đã và đang cản trở việc thực hiện hiệu quả các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gây bất bình và làm giảm niềm tin trong nhân dân. Các thế lực phản động không ngừng tìm mọi cách thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Mặt khác, các thế lực thù địch đang ra sức phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sử dụng các chiêu bài về “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” hòng ly gián, chia rẽ nội bộ đảng, nhà nước và nhân dân ta.

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam hiện nay đặt mục tiêu đến năm 2045 trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao đang đòi hỏi phải phát huy mạnh mẽ nguồn lực nội sinh, trong đó đại đoàn kết toàn dân tộc là yếu tố nền tảng. Như Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc,... là động lực to lớn để phát triển đất nước” [2; tr.110]. Nếu trong Cách mạng tháng Tám, đoàn kết là để đánh đổ ngoại xâm, lật đổ chế độ thực dân, phong kiến, thì ngày nay, đại đoàn kết phải chuyển hóa thành năng lực sáng tạo, khả năng chuyển đổi số, phát triển khoa học - công nghệ, xây dựng văn hóa và con người Việt Nam thời đại mới. Đại đoàn kết không chỉ dừng lại ở tập hợp lực lượng mà còn là sự đồng thuận sâu sắc giữa Đảng và nhân dân, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng, giữa phát triển kinh tế và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữa hiện đại hóa và bảo vệ môi trường. Đại đoàn kết giai đoạn này không chỉ là huy động lòng yêu nước trong những thời điểm cấp bách mà yêu cầu cao hơn còn là trách nhiệm của mỗi người dân đối với sự phát triển của đất nước, là khát vọng phụng sự Tổ quốc.

Thứ hai, một số giải pháp trọng tâm nhằm phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình hiện nay

- Củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước.

Đây là nền tảng tinh thần của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự lan tỏa của truyền thông xã hội, việc bảo vệ và củng cố niềm tin của nhân dân không chỉ là nhiệm vụ chính trị cấp thiết mà còn là điều kiện tiên quyết để huy động sức dân vào sự nghiệp phát triển đất nước. Đảng và Nhà nước ta cần tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch trong toàn bộ quá trình hoạch định và triển khai các chính sách phát triển kinh tế- xã hội, nhất là các chính sách có liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân. Minh bạch không chỉ là yêu cầu quản trị hiện đại mà là cam kết chính trị của một chính quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; nâng cao năng lực phản hồi, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của người dân; kiên quyết xử lý tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Cần đặc biệt

coi trọng phương châm “lấy dân làm gốc”, “việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì hết sức tránh”. Đảm bảo mọi chủ trương, chính sách đều xuất phát từ lợi ích của nhân dân và vì nhân dân.

Đồng thời, tăng cường đối thoại, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên, công nhân, nông dân và đồng bào các dân tộc thiểu số - đối tượng chịu tác động mạnh của quá trình chuyển đổi kinh tế và biến đổi xã hội. Tạo điều kiện để nhân dân tham gia góp ý, phản biện, giám sát, kiểm tra các chính sách phát triển kinh tế- xã hội; bảo vệ quyền lợi, phát huy vai trò làm chủ thật sự của nhân dân.

Cần củng cố niềm tin của nhân dân vào thể chế chính trị bằng việc xây dựng được một Đảng lãnh đạo thật sự trong sạch, vững mạnh; tiếp tục hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhà nước cần được tổ chức, vận hành hiệu lực, hiệu quả, có năng lực dẫn dắt phát triển và tạo dựng sự ổn định cho toàn xã hội.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Đại đoàn kết chỉ thực sự bền vững khi có tổ chức lãnh đạo, tập hợp, dẫn dắt. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phải trở thành trung tâm, hạt nhân đoàn kết, cần đổi mới mạnh mẽ về nội dung và phương thức hoạt động sát với thực tiễn, hướng về cơ sở, chăm lo quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của các tầng lớp nhân dân.

Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tăng cường đối thoại, đảm bảo tiếng nói của nhân dân được lắng nghe, tiếp thu nghiêm túc. Đặc biệt, nâng cao chất lượng giám sát trong các lĩnh vực “nóng” như đất đai, môi trường, giáo dục, y tế, phòng chống tham nhũng và quyền con người.

Phát huy vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với các tầng lớp nhân dân, đặc biệt trong những tình huống khủng hoảng thông tin hoặc có xung đột lợi ích. Các tổ chức chính trị - xã hội cần đóng vai trò trung gian điều hòa, góp phần ổn định xã hội. Hỗ trợ, khuyến khích sáng kiến cộng đồng, phát triển phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, giúp gắn kết cộng đồng và lan tỏa tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái đến với mỗi người dân.

- Thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo đúng đắn; đảm bảo quyền bình đẳng, phát huy vai trò các dân tộc, tôn giáo trong phát triển.

Đại đoàn kết toàn dân tộc chỉ thực sự vững mạnh khi bảo đảm được quyền bình đẳng, công bằng giữa các dân tộc, tôn giáo, cũng như phát huy được vai trò tích cực của đồng bào dân tộc thiểu số và chức sắc tôn giáo trong công cuộc phát triển.

Cần tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách dân tộc, đặc biệt là những chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi như Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới gắn với bảo tồn di sản văn hóa truyền thống.

Tăng cường đào tạo, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số, phát triển hệ thống giáo dục dân tộc nội trú, bán trú, tạo điều kiện để thanh niên dân tộc thiểu số tiếp cận tri thức hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng khó khăn.

Tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo đúng Hiến pháp và pháp luật, đồng thời chủ động đấu tranh với các hành vi lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc; Tạo môi trường hài hòa giữa các cộng đồng tôn giáo và không tôn giáo, giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia thống nhất, hướng tới mục tiêu chung là phát triển đất nước và nâng cao đời sống của nhân dân.

- Đảm bảo phát triển toàn diện con người, tiến bộ và công bằng xã hội.

Phát triển con người luôn giữ vai trò trung tâm của phát triển bền vững. Vì vậy, để xây dựng một khối đại đoàn kết vững chắc, cần đảm bảo sự phát triển toàn diện, hài hòa về vật chất và tinh thần cho mọi công dân. Tập trung hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, bảo đảm mọi người dân - không phân biệt dân tộc, tôn giáo, vùng miền - đều được tiếp cận các dịch vụ thiết yếu như giáo dục, y tế, nước sạch, nhà ở, bảo hiểm xã hội. Đặc biệt chú trọng chính sách hỗ trợ nhóm yếu thế, người nghèo, người già, trẻ em, người khuyết tật, đối tượng dễ bị tổn thương trong chuyển đổi kinh tế - xã hội.

Khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tạo môi trường bình đẳng về cơ hội, đặc biệt cho những người có năng lực, đạo đức, cống hiến cho xã hội. Gắn tăng trưởng kinh tế với nâng cao chất lượng sống, để mọi tầng lớp nhân dân thực sự hưởng thụ được thành quả của công cuộc đổi mới.

- Xây dựng và phát triển văn hóa, giữ gìn bản sắc, bồi dưỡng giá trị tinh thần của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đoàn kết không chỉ đến từ lợi ích vật chất mà còn bắt rễ từ giá trị văn hóa và tinh thần. Một nền văn hóa lành mạnh, nhân văn sẽ nuôi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cộng đồng và sự gắn bó giữa các tầng lớp xã hội. Phát triển văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Tăng cường xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhà trường và xã hội; cổ vũ lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường, khát vọng cống hiến. Đẩy mạnh truyền thông tích cực, tôn vinh người tốt - việc tốt, phê phán thói xấu, gương xấu. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, kết hợp hài hòa với tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần tạo nên bản sắc con người Việt Nam trong thời đại mới.

Kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện lai căng, thực dụng, phi văn hóa, nhất là trên không gian mạng; chủ động ngăn chặn, loại bỏ các sản phẩm văn hóa độc hại, xây dựng không gian mạng lành mạnh, an toàn.

- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục chính trị tư tưởng, đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”.

Trong kỷ nguyên số, thông tin là công cụ then chốt bảo vệ hoặc chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Đảng và nhà nước cần xây dựng chiến lược truyền thông quốc gia hiện đại, chủ động thông tin chính xác, kịp thời về tình hình đất nước, thành tựu đổi mới, các chủ trương lớn, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Đầu tư phát triển đội ngũ làm công tác tuyên truyền, nhất là trên nền tảng số, mạng xã hội; hình thành các “kênh dẫn dắt dư luận” có uy tín, có khả năng tạo ảnh hưởng tích cực đến các tầng lớp nhân dân. Đồng thời, đổi mới công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ; bồi dưỡng niềm tin, khát vọng phát triển, trách nhiệm với vận mệnh dân tộc.

Nâng cao cảnh giác trước các thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, lợi dụng tôn giáo, dân tộc, nhân quyền để kích động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết, gây mất ổn định xã hội.

3. KẾT LUẬN

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là minh chứng sống động cho sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đã 80 năm trôi qua, nhưng bài học quý báu ấy vẫn còn nguyên giá trị trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc hiện nay. Khi đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập sâu rộng thì bài học phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc càng trở nên cấp thiết và mang ý nghĩa chiến lược. Kỷ nguyên vươn mình hôm nay không chỉ là hành trình phát triển kinh tế - xã hội mà còn là sự khẳng định bản lĩnh và vị thế của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, chính là điều kiện tiên quyết để quy tụ trí tuệ, khơi dậy khát vọng, tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn dân đưa Việt Nam tiến lên mạnh mẽ trong thời đại mới, chinh phục những đỉnh cao phát triển mới, hiện thực hóa các mục tiêu của công cuộc xây dựng đất nước: hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, sánh vai với các cường quốc năm châu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [3]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Hội đồng Lý luận Trung ương (2012), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

THE VICTORY OF THE AUGUST REVOLUTION OF 1945 – A LESSON ON PROMOTING THE ENDURING STRENGTH OF GREAT NATIONAL UNITY IN VIETNAM’S NEW ERA OF NATIONAL ADVANCEMENT

Tran Thi Hong Minh

Faculty of Political Theory, University of Sciences, Hue University

Email: hongminhdhhu@gmail.com

ABSTRACT

Eighty years ago, under the leadership of the Communist Party of Vietnam and President Ho Chi Minh, the Vietnamese people launched a “rapid, bold, and unexpected” General Uprising, overthrowing the feudal and colonial regimes and seizing power into the hands of the people. The victory of the August Revolution of 1945 was one of the most glorious triumphs of the Vietnamese nation in the 20th century, marking a historic turning point as the country entered a new era of independence and freedom. While this victory resulted from multiple contributing factors, the foremost among them was the strength of the great national unity, which played a decisive role in ensuring the success of the August Revolution. This article focuses on the strategy of great national unity led by the Communist Party of Vietnam—identified as the key factor behind the Revolution’s success—and on the enduring lesson of promoting national solidarity in Vietnam’s new era of national advancement.

Keywords: The August Revolution of 1945, great national unity, Vietnam’s new era of national advancement.



Trần Thị Hồng Minh sinh ngày 28/11/1977 tại Quảng Bình. Bà tốt nghiệp cử nhân ngành Giáo dục chính trị năm 1999 tại trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế; tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Triết học năm 2004 tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế; nhận học vị tiến sĩ chuyên ngành Triết học năm 2014 tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. Bà công tác tại Khoa Lý luận chính trị - Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế từ năm 1999.

Lĩnh vực nghiên cứu: Triết học, Tư tưởng Hồ Chí Minh.